

NỘI DUNG ÔN TẬP THUỐC THIẾT YẾU LỚP YTTB

- Câu 1 :** Ly trực trùng ưu tiên dùng thuốc nào:
- A. Amoxicillin
B. Erythromycin
C. Chloramphenicol
D. Ciprofloxacin
- Câu 2 :** Dấu hiệu ở bệnh nhân dùng quá liều Isoniazid:
- A. Buồn nôn, nôn, chóng mặt
B. Nhìn mờ, co giật, suy hô hấp
C. A, B đúng
D. A, B sai
- Câu 3 :** Đây là những nguyên tắc dùng kháng sinh, NGOẠI TRỪ:
- A. Dùng tấn công từ đầu
B. Không tăng, giảm liều
C. Dùng tối thiểu 5 ngày
D. Nên phối hợp thuốc
- Câu 4 :** Thuốc thuộc nhóm giảm đau đơn thuần:
- A. Ibuprofen
B. Diclofenac
C. Aspirin
D. Idarac
- Câu 5 :** Tác dụng phụ có thể gặp khi dùng Rimifon là:
- A. Ho khan, tiêu chảy
B. Táo bón, đau đầu
C. Buồn nôn, đau dây thần kinh ngoại vi
D. Tiêu chảy kéo dài, hạ thân nhiệt
- Câu 6 :** Kháng sinh thuộc nhóm Phenicol:
- A. Cotrimoxazol
B. Nizoral
C. Lincomycin
D. Chloramphenicol
- Câu 7 :** Thuốc nào sau đây có tác dụng kháng lao:
- A. Cefalexin
B. Artesunat
C. Isoniazid
D. Amoxycillin
- Câu 8 :** Thuốc nào sau đây KHÔNG ĐƯỢC phối hợp với Levodopa trong điều trị Parkinson:
- A. Vitamin C
B. Vitamin B1
C. Vitamin B6
D. Fluocinolon
- Câu 9 :** Thuốc có công dụng chữa viêm họng, viêm Amigdal, đau cổ họng:
- A. Bỏ phế chỉ khái lộ
B. Xạ can
C. Dextromethorphan
D. Alimemazin
- Câu 10 :** Dược liệu nào sau đây có tác dụng điều kinh chữa kinh nguyệt không đều, đau bụng kinh, rong kinh, tụ huyết sau sinh:
- A. Ích mẫu
B. Núc nác
C. Keo giậu
D. Bồ công anh
- Câu 11 :** Đây là những đặc điểm đúng với thuốc hóa dược, NGOẠI TRỪ:
- A. Là một dạng dược phẩm
B. Còn gọi là tân dược
C. Nguyên liệu là hóa chất
D. Bào chế dạng cao đơn
- Câu 12 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là lá và hạt:
- A. Muồng trâu
B. Bách bộ
C. Cúc hoa vàng
D. Mạch môn
- Câu 13 :** Thuốc nào sau đây được dùng để phòng và điều trị bệnh Scorbut, chảy máu cam, chảy máu chân răng, tăng sức đề kháng:
- A. Vitamin B6
B. Vitamin B1
C. Vitamin C
D. Fluocinolon
- Câu 14 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là rễ củ:
- A. Bách bộ
B. Lô hội
C. Muồng trâu
D. Cúc hoa vàng
- Câu 15 :** Ganidan thuộc nhóm:
- A. Macrolid
B. Quinolon
C. Cyclin
D. Sulfamid
- Câu 16 :** Thuốc có công dụng bù nước và chất điện giải:
- A. Húng chanh
B. Oresol
C. Alimemazin
D. Dextromethorphan
- Câu 17 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là vỏ quả:

- A. Dây Mơ
C. Bách bộ
- Câu 18 :** Dược liệu nào sau đây có tác dụng lợi tiểu chữa phù thũng, bí tiểu tiện:
A. Mã đề
C. Núc nác
- Câu 19 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là cả cây:
A. Thảo quyết minh
C. Dây Mơ
- Câu 20 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là thân, cành mang lá và hoa:
A. Hương nhu tía
C. Bạc hà
- Câu 21 :** Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa ly, chảy máu cam, ho ra máu:
A. Cỏ nhọ nồi
C. Ích mẫu
- Câu 22 :** Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa kinh nguyệt không đều, băng huyết, rong kinh, động thai, ly ra máu:
A. Ngải cứu
C. Núc nác
- Câu 23 :** Dược liệu nào sau đây chữa phong thấp, tê bại, co quắp, mụn nhọt, chốc lở, chữa bướu cổ do thiếu iod:
A. Rễ cỏ tranh
C. Cam thảo nam
- Câu 24 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là hoa, thân, cành, lá:
A. Thảo quyết minh
C. Cúc hoa vàng
- Câu 25 :** Chống chỉ định của thuốc Artemisinin là:
A. Đau dạ dày
C. Phụ nữ có thai 3 tháng đầu
- Câu 26 :** Viên Fugacar không dùng cho trẻ em dưới tháng tuổi:
A. 18
C. 24
- Câu 27 :** Dược liệu nào sau đây có tác dụng tiêu độc chữa mụn nhọt, tắc tia sữa:
A. Bồ công anh
C. Muồng trâu
- Câu 28 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là thân rễ:
A. Quế
C. Bồ công anh
- Câu 29 :** Thuốc thuộc nhóm kháng viêm-hạ sốt-giảm đau:
A. Ibuprofen
C. Paracetamol
- Câu 30 :** Đây là những chỉ định dùng kháng sinh, NGOẠI TRỪ:
A. Nhiễm vi trùng
C. Nhiễm ký sinh trùng
- Câu 31 :** Thuốc có tác dụng sát khuẩn: vùng da trước khi tiêm, phẫu thuật, tay trước khi tiêm, thay băng là:
A. D.E.P
C. A.S.A
- Câu 32 :** Đây là những dược liệu có công dụng chữa cảm sốt, NGOẠI TRỪ:
A. Bách bộ
C. Kinh giới
- Câu 33 :** Dược liệu nào sau đây chữa ho, viêm họng, phát ban, sởi:
A. Cam thảo nam
C. Núc nác
- Câu 34 :** Thuốc thảo dược nào sau đây có tác dụng an thần, gây ngủ, giảm đau, có thể dùng thay thế Diazepam:
A. Mã đề
C. Ích mẫu
- B. Quýt
D. Mã đề
B. Ích mẫu
D. Bồ công anh
B. Cỏ màn trâu
D. Mã đề
B. Bách bộ
D. Mạch môn
B. Bồ công anh
D. Nhân trần
B. Bồ công anh
D. Keo giậu
B. Ké đầu ngựa
D. Kinh giới
B. Kim ngân
D. Mạch môn
B. Ho khan
D. Cao huyết áp
B. 12
D. 30
B. Keo giậu
D. Bạc hà
B. Hương phụ
D. Bách bộ
B. Idarac
D. Aspirin
B. Nhiễm nấm
D. Nhiễm siêu vi
B. Cồn 70°
D. Cồn 90°
B. Bạc hà
D. Hương nhu tía
B. Nhân trần
D. Ích mẫu

- A. Lạc tiên
C. Rotunda chiết từ củ Bình vôi
- Câu 35 :** Thuốc nào thường dùng để hạ sốt:
A. Alaxan
C. Dolfenal
- Câu 36 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là nhựa của lá:
A. Lô hội
C. Bí ngô
- Câu 37 :** Thuốc thảo dược nào sau đây chữa bệnh sốt rét:
A. Lạc tiên
C. Artemisinin
- Câu 38 :** Thuốc nào sau đây thuộc nhóm kê đơn:
A. Ibuprofen
C. Diclofenac
- Câu 39 :** Dược liệu nào sau đây có tác dụng kích thích tiêu hóa chữa ăn không tiêu, cảm lạnh, nôn mửa:
A. gừng
C. Bồ công anh
- Câu 40 :** Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa tẩy giun:
A. Keo giậu
C. Muồng trâu
- Câu 41 :** Thuốc dùng để rửa vết thương mới, sát khuẩn tai, mũi, họng, cầm máu khi chảy máu cam, chảy máu chân răng:
A. Dung dịch Sulfaxylum
C. Oxy già
- Câu 42 :** Kháng sinh thuộc nhóm Sulfamid:
A. Streptomycin
C. Lincomycin
- Câu 43 :** Thực phẩm chức năng khác với thuốc ở đặc điểm:
A. Ít tạo năng lượng
C. Dùng ngắn hạn
- Câu 44 :** Thuốc trị nấm da, nấm kẽ, hắc bào, lang ben là:
A. D.E.P
C. Dung dịch A.S.A
- Câu 45 :** Thuốc có tác dụng chống viêm, chống dị ứng, ngứa da:
A. â
C. Fluocinolon
- Câu 46 :** Biệt dược của Promethazin là:
A. Cimetidin
C. Phenergan
- Câu 47 :** Dược liệu nào sau đây chữa cảm mạo do lạnh, ợ hơi, đầy hơi:
A. Kinh giới
C. Rễ cỏ tranh
- Câu 48 :** Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa táo bón:
A. Lô hội
C. Bí ngô
- Câu 49 :** Thuốc luôn có trong hộp thuốc chống sốc là:
A. Amoxycillin
C. Adrenalin
- Câu 50 :** Thuốc có tác dụng sát khuẩn: vết thương mới, nơi sắp mổ, rửa tay trước khi mổ, trị nấm da:
A. Cồn 70 °
C. D.E.P
- Câu 51 :** Nước sắc hạt Cau thường kết hợp với dược liệu nào để có công dụng chữa tẩy sán:
A. Hạt Bí ngô dùng tươi
- B. Viên Sen Vòng
D. Hạt Bí đỏ
- B. Diclofenac
D. Paracetamol
- B. Bách bộ
D. Mạch môn
- B. Viên sen vòng
D. Rotunda
- B. Paracetamol
D. Cephalexin
- B. Ích mẫu
D. Nhân trần
- B. Lô hội
D. Bạc hà
- B. Mỡ Tetracyclin
D. Gentamicin
- B. Ciprofloxacin
D. Cotrimoxazol
- B. Cách bào chế
D. Cách quản lý
- B. Oxy già
D. Cloraxin
- B. Cloraxin
D. Dung dịch B.S.I
- B. Ampelop
D. Rifampicin
- B. Sả
D. Cam thảo nam
- B. Bách bộ
D. Cúc hoa vàng
- B. Ampelop
D. Ampicillin
- B. Cồn iod
D. A.S.A
- B. Hoa Cúc vàng

- C. Lá cây Muồng trâu
- Câu 52 :** Đây là những quy định sử dụng túi thuốc NVYTTB, NGOẠI TRỪ:
- A. Có sổ quản lý
B. Cấp thuốc miễn phí
C. Báo cáo định kỳ
D. Cơ sở rất nhiều
- Câu 53 :** Trường hợp nào sau đây là tên hoạt chất:
- A. Negram
B. Tylenol
C. Panadol
D. Ciprofloxacin
- Câu 54 :** Đây là những dược liệu, NGOẠI TRỪ:
- A. Ngó sen
B. Kinh giới
C. Trinh nữ hoàng cung
D. Cao ích mẫu
- Câu 55 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là thân rễ:
- A. Thảo quyết minh
B. Cỏ tranh
C. Dây Mơ
D. Mã đề
- Câu 56 :** Thuốc có công dụng chữa cơn co thắt đường tiêu hóa, tiết niệu:
- A. Húng chanh
B. Atropin sulfat
C. Dextromethorphan
D. Berberin
- Câu 57 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là lá:
- A. Quế
B. Bồ công anh
C. Bách bộ
D. Mạch môn
- Câu 58 :** Dược liệu nào sau đây có tác dụng tiêu độc, lợi tiểu chữa táo bón, mụn nhọt, sốt:
- A. Rau má
B. Bồ công anh
C. Ích mẫu
D. Núc nác
- Câu 59 :** Đặc điểm nào đúng với nhóm thuốc kháng viêm hạ sốt giảm đau:
- A. Không hại dạ dày
B. Có tác dụng hạ thân nhiệt
C. Không dùng khi suy thận
D. Chỉ điều trị triệu chứng
- Câu 60 :** Thuốc nào sau đây điều trị dị ứng do thức ăn, thời tiết, thuốc:
- A. Paracetamol
B. Amoxicillin
C. Promethazin
D. BSI
- Câu 61 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là hạt và vỏ quả:
- A. Cau
B. Mạch môn
C. Bách bộ
D. Bí ngô
- Câu 62 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là thân cành mang lá và hoa:
- A. Mã đề
B. Nhân trần
C. Bách bộ
D. Thảo quyết minh
- Câu 63 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là toàn cây:
- A. Cúc hoa vàng
B. Sài đất
C. Bách bộ
D. Mạch môn
- Câu 64 :** Kháng sinh thuộc nhóm Cephalosporin:
- A. Gentamycin
B. Azithromycin
C. Tetracyclin
D. Cefotaxim
- Câu 65 :** Thuốc nào KHÔNG DÙNG cho trẻ dưới 8 tuổi:
- A. Ampicillin
B. Amoxicillin
C. Cephalexin
D. Tetracyclin
- Câu 66 :** Thuốc chữa dị ứng da, sổ mũi:
- A. Paracetamol
B. ASA
C. Clorpheniramin
D. BSI
- Câu 67 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là quả chín và cả cây:
- A. Thảo quyết minh
B. Ké đầu ngựa
C. Bách bộ
D. Mã đề
- Câu 68 :** Thời gian sử dụng của 1 lọ (hoặc tuýp) thuốc nhỏ (hoặc bôi) mắt sau khi đã mở nắp là:
- A. 3 ngày
B. 5 ngày
C. 15 ngày
D. 90 ngày
- Câu 69 :** Xử trí khi dùng quá liều Isoniazid:

- A.** Cho bệnh nhân nằm nghỉ 2 giờ tại nhà
- B.** Gây nôn, 2 giờ sau đó cho bệnh nhân ăn no tại nhà
- C.** Gây nôn, chuyển nhanh đến cơ sở y tế gần nhất
- D.** Gây nôn và phải để bệnh nhân nằm nghỉ tại nhà
- Câu 70 :** Nhiễm trùng tiểu dưới ưu tiên dùng thuốc nào:
- A.** Ganidan
- B.** Chloramphenicol
- C.** Lincomycin
- D.** Negram
- Câu 71 :** Thuốc nào sau đây được chỉ định điều trị bệnh mắt hột:
- A.** Chloramphenicol
- B.** Dung dịch Sulfaxylum
- C.** Mỡ Tetracyclin
- D.** Hydro peroxyd
- Câu 72 :** Thuốc nào sau đây được chỉ định điều trị viêm mí mắt, kết mạc, giác mạc, viêm mống mắt:
- A.** Oxy già
- B.** V-Rhoto
- C.** Chloramphenicol
- D.** Povidin iod
- Câu 73 :** Chống chỉ định của Adrenalin là, NGOẠI TRỪ:
- A.** Thiên đầu thống, phụ nữ có thai
- B.** Đau thắt ngực, cơn hen nặng
- C.** Cao huyết áp, đái tháo đường
- D.** Đau dạ dày, tiểu ra máu
- Câu 74 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là cả cây:
- A.** Thảo quyết minh
- B.** Rau má
- C.** Cúc hoa vàng
- D.** Bách bộ
- Câu 75 :** Thuốc chữa nghẹt mũi, viêm mũi cấp hoặc mạn tính:
- A.** Gentamicin
- B.** Dung dịch Sulfaxylum
- C.** Naphazolin
- D.** Mỡ Tetracyclin
- Câu 76 :** Thuốc có công dụng chữa ho (nguồn gốc thảo dược):
- A.** Dextromethorphan
- B.** Hoa Hồng cánh trắng
- C.** Alimemazin
- D.** Oresol
- Câu 77 :** Cao cây Chè dây là thành phần của thuốc nào sau đây:
- A.** Alimemazin
- B.** Ampelop
- C.** Húng chanh
- D.** Mebendazol
- Câu 78 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là rễ:
- A.** Mạch môn
- B.** Hương nhu tía
- C.** Lô hội
- D.** Cúc hoa vàng
- Câu 79 :** Trường hợp nào sau đây đúng với tên biệt dược:
- A.** Tên có nguồn gốc từ cây, con
- B.** Tên hóa chất trong thành phần
- C.** Do quốc tế quy ước
- D.** Do nhà sản xuất đặt
- Câu 80 :** Dược liệu nào sau đây có tác dụng nhuận gan, lợi mật, sát khuẩn chữa viêm gan, vàng da, loét dạ dày, bể kính:
- A.** Nghệ vàng
- B.** Bách bộ
- C.** Bồ công anh
- D.** Núc nác
- Câu 81 :** Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa chân tay lạnh, nôn mửa, ăn không tiêu:
- A.** Quế
- B.** Bạc hà
- C.** Keo giậu
- D.** Muồng trâu
- Câu 82 :** Dược liệu nào sau đây có tác dụng an thần chữa mất ngủ:
- A.** Lạc tiên
- B.** Bạc hà
- C.** Lô hội
- D.** Keo giậu
- Câu 83 :** Khi đang dùng Artesunat để điều trị sốt rét thì không dùng:
- A.** Theralen
- B.** Thuốc bổ
- C.** Corticoid
- D.** Paracetamol
- Câu 84 :** Tác dụng phụ có thể gặp khi dùng Rifampicin là:
- A.** Buồn nôn, đau dây thần kinh ngoại vi
- B.** Ho khan, tiêu chảy
- C.** Đau đầu, men gan tăng
- D.** Tiêu chảy kéo dài, hạ thân nhiệt
- Câu 85 :** Dược liệu nào sau đây chữa cảm sốt, bí đái, chốc lở, mụn nhọt, khát, phát ban:
- A.** Cỏ Mần trầu
- B.** Cam thảo nam
- C.** Nhân trần
- D.** Ké đầu ngựa
- Câu 86 :** Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa dị ứng, mụn nhọt, lở ngứa, giải độc:

- A. Kim ngân
C. Keo giậu
- Câu 87 :** Kháng sinh thuộc nhóm Penicillin:
A. Tetracyclin
C. Ciprofloxacin
- Câu 88 :** Kháng sinh thuộc nhóm chữa lác, lang ben:
A. Nystatin
C. Tetracyclin
- Câu 89 :** Lá cây Muồng trâu khi giã nát với ít muối, lấy nước bôi ngoài da để chữa bệnh:
A. Lác
C. Say tàu xe
- Câu 90 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là toàn cây và quả:
A. Quế
C. Bồ công anh
- Câu 91 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là cả cây:
A. Rau má
C. A, B sai
- Câu 92 :** Dược liệu có bộ phận dùng là hạt, NGOẠI TRỪ:
A. Lô hội
C. Bí ngô
- Câu 93 :** Thuốc có công dụng diệt sán bò, sán lợn, sán cá:
A. Mebendazol
C. Ampicillin
- Câu 94 :** Thuốc trị bệnh cái ghẻ, chống muỗi, vắt:
A. Fluocinolon
C. D.E.P
- Câu 95 :** Thuốc có công dụng chữa dị ứng, chữa ho:
A. Oresol
C. Dextromethorphan
- Câu 96 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là toàn cây (trừ gốc rễ):
A. Cúc hoa vàng
C. Thảo quyết minh
- Câu 97 :** Thuốc có công dụng chữa loét dạ dày-tá tràng:
A. Berberin
C. Húng chanh
- Câu 98 :** Thuốc thảo dược nào sau đây có tác dụng an thần, gây ngủ, chữa hồi hộp:
A. Húng chanh
C. Lạc tiên
- Câu 99 :** Thuốc để phòng và điều trị bệnh ở hệ thần kinh do tác dụng phụ của thuốc (Rimifon, Emetin), viêm dây thần kinh:
A. Fluocinolon
C. Vitamin B6
- Câu 100 :** Thuốc thảo dược nào sau đây có tác dụng an thần, gây ngủ, giảm đau:
A. Viên sen hồng
C. Rotunda
- Câu 101 :** Dược liệu nào sau đây có tác dụng tiêu độc chữa mụn nhọt, lở ngứa, sưng vú:
A. Sài đất
C. Keo giậu
- Câu 102 :** Dược liệu nào sau đây chữa đái dầm, đái ít, đái buốt, tiểu ra máu, sốt khát nước:
A. Ích mẫu
C. Cam thảo nam
- Câu 103 :** Đây là những thuốc thuộc nhóm kháng viêm giảm phù nề, NGOẠI TRỪ:
A. Alphachymotrypsin
- B. Muồng trâu
D. Bạc hà
- B. Cephalexin
D. Amoxicyllin
- B. Lincomycin
D. Ketoconazole
- B. Sốt cao
D. Táo bón
- B. Ích mẫu
D. Mạch môn
- B. Cỏ Nhọ nồi
D. A, B đúng
- B. Keo giậu
D. Cau
- B. Niclosamid
D. Cimetidin
- B. Dung dịch B.S.I
D. Cloraxin
- B. Alimemazin
D. Bồ phế chỉ khái lộ
- B. Lạc tiên
D. Bách bộ
- B. Cimetidin
D. Dextromethorphan
- B. Tần dày lá
D. Xạ can
- B. D.E.P
D. Vitamin B1
- B. Lạc tiên
D. Tần dày lá
- B. Muồng trâu
D. Bạc hà
- B. Rễ cỏ tranh
D. Kinh giới
- B. Serratiopeptidase

- C. Lysozym
- Câu 104 :** Chống chỉ định của thuốc Isoniazid là:
- A. Viêm đa dây thần kinh, động kinh
C. A, B đúng
- Câu 105 :** Đau lưng nên ưu tiên chọn thuốc nào:
- A. Panadol
C. Ampicillin
- Câu 106 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là thân và cành mang lá:
- A. Kim ngân
C. Quế
- Câu 107 :** Spiramycin thuộc nhóm:
- A. Cyclin
C. Quinolon II
- Câu 108 :** Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa lỵ:
- A. Dây Mơ
C. Nhân trần
- Câu 109 :** Thuốc kê đơn ký hiệu là:
- A. Xx
C. Px
- Câu 110 :** Thuốc nào gây xót ruột:
- A. Panadol
C. Amoxicillin
- Câu 111 :** Kháng sinh thuộc nhóm chữa nấm candida:
- A. Griseofulvin
C. Fluconazole
- Câu 112 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là toàn cây (bỏ rễ):
- A. Bạc hà
C. Mạch môn
- Câu 113 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là hoa:
- A. Cúc hoa vàng
C. Lô hội
- Câu 114 :** Chống chỉ định của Promethazin:
- A. Đau dạ dày; tiêu chảy
C. Đang vận hành máy móc
- Câu 115 :** Trường hợp nào gọi là nguyên liệu làm thuốc:
- A. Cao ích mẫu
C. Ampicillin
- Câu 116 :** Azithromycin thuộc nhóm:
- A. Quinolon
C. Kháng nấm
- Câu 117 :** Câu nào sau đây khi dùng bằng đường uống có công dụng chữa tẩy giun:
- A. Hạt Bí ngô dùng tươi
C. Lá cây Muồng trâu
- Câu 118 :** Đau đầu thường dùng thuốc:
- A. Voltaren
C. Ibuprofen
- Câu 119 :** Kháng sinh thuộc nhóm Cyclin:
- A. Acid nalidixic
C. Lincomycin
- Câu 120 :** Dược liệu nào sau đây chữa kinh nguyệt không đều, đau bụng kinh, viêm cổ tử cung:
- A. Hương phụ
C. Bạc hà
- Câu 121 :** Tên gọi khác của Artemisinin là:
- D. Ibuprofen
- B. Viêm gan nặng, suy gan
D. A, B sai
- B. Alphachymotrypsin
D. Decontractyl
- B. Mò hoa trắng
D. Bách bộ
- B. Quinolon I
D. Macrolid
- B. Ích mẫu
D. Cỏ Mần trầu
- B. Ax
D. Rx
- B. Ampicillin
D. Diclofenac
- B. Ketoconazole
D. Nystatin
- B. Bách bộ
D. Kinh giới
- B. Bách bộ
D. Mạch môn
- B. Cao huyết áp; đau dạ dày
D. Ho có đờm; đau dạ dày
- B. Sulfamid
D. Lá vông
- B. Sulfamid
D. Macrolid
- B. Hạt Thảo quyết minh
D. Quả và hạt Bí rợ rang chín
- B. Alphachymotrypsin
D. Panadol
- B. Ofloxacin
D. Doxycylin
- B. Bồ công anh
D. Núc nác

- A. Canhkina
C. Quinhaosu
- Câu 122 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là vỏ thân, vỏ cành:
A. Mạch môn
C. Bách bộ
- Câu 123 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là thân rễ (củ):
A. Thảo quyết minh
C. Cúc hoa vàng
- Câu 124 :** Dược liệu nào sau đây có tác dụng nhuận gan, lợi mật, lợi tiểu:
A. Nhân trần
C. Bồ công anh
- Câu 125 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là vỏ thân, vỏ cành đã phơi khô:
A. Thảo quyết minh
C. Mạch môn
- Câu 126 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là cả cây:
A. Thảo quyết minh
C. Muồng trâu
- Câu 127 :** Nystatin thuộc nhóm:
A. Penicillin
C. Cyclin
- Câu 128 :** Thuốc nào sau đây có tác dụng kháng lao:
A. Artesunat
C. Rifampicin
- Câu 129 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là cành ngọn có mang lá và hoa:
A. Kinh giới
C. Cúc hoa vàng
- Câu 130 :** Thuốc nào sau đây KHÔNG dùng cho người bị bệnh tan huyết, sỏi thận:
A. Fluocinolon
C. Vitamin C
- Câu 131 :** Thuốc có thể dùng kèm với INH để giảm tác hại trên dây thần kinh:
A. Ampicillin
C. Vitamin B6
- Câu 132 :** Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa táo bón:
A. Thảo quyết minh
C. A, B đúng
- Câu 133 :** Thuốc thảo dược nào sau đây có tác dụng an thần, chữa mất ngủ, suy nhược thần kinh:
A. Keo giậu
C. Viên sen vòng
- Câu 134 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là thân rễ:
A. Hương phụ
C. A, B đúng
- Câu 135 :** Thuốc thuộc nhóm hạ sốt giảm đau:
A. Diclofenac
C. Dolfenal
- Câu 136 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là hạt:
A. Bí ngô
C. Mạch môn
- Câu 137 :** Thuốc có công dụng diệt cả giun và sán:
A. Niclosamid
C. Cimetidin
- Câu 138 :** Dược liệu nào sau đây có tác dụng điều kinh chữa kinh nguyệt không đều:
A. Mò hoa trắng
C. Keo giậu
- B. Quinidin
D. Quinin
B. Núc nác
D. Bồ công anh
B. Gừng
D. Mã đề
B. Ích mẫu
D. Núc nác
B. Quế
D. Bách bộ
B. Cam thảo nam
D. Dây Mơ
B. Lincosamid
D. Kháng nấm
B. Cimetidin
D. Mebendazol
B. Bách bộ
D. Mạch môn
B. Vitamin B6
D. Vitamin B1
B. Vitamin C
D. Vitamin A
B. Muồng trâu
D. A, B sai
B. Hoa Hồng bạch
D. Tàn dày lá
B. Nghệ
D. A, B sai
B. Ibuprofen
D. Panadol
B. Lô hội
D. Bách bộ
B. Hạt bí đỏ
D. Mebendazol
B. Núc nác
D. Bồ công anh

- Câu 139 :** Thuốc trị nấm da, nấm kẽ, nấm bẹn, hắc bào, lang ben là:
- A. D.E.P
B. Cloraxin
C. Dung dịch B.S.I
D. Fluocinolon
- Câu 140 :** Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa tẩy sán:
- A. Bí ngô
B. Cúc hoa vàng
C. Lô hội
D. Bạc hà
- Câu 141 :** Dược liệu nào sau đây chữa ho tức nhiều đờm, đầy bụng, ăn không tiêu, nôn mửa:
- A. Mạch môn đông
B. Vỏ Quýt
C. Cam thảo nam
D. Sài đất
- Câu 142 :** Tên khác của Isoniazid là:
- A. Ampicillin
B. Dextromethorphan
C. INH
D. DEP
- Câu 143 :** Thuốc nào sau đây được chỉ định điều trị nhiễm khuẩn mắt nặng: viêm kết mạc, loét và áp xe giác mạc, lên chấy, viêm túi lệ:
- A. Mỡ Tetracyclin
B. Dung dịch Sulfaxylum
C. Gentamicin
D. Chloramphenicol
- Câu 144 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là toàn cây (trừ gốc rễ), lá và hạt:
- A. Thảo quyết minh
B. Mã đề
C. Bách bộ
D. Cúc hoa vàng
- Câu 145 :** Thuốc có tác dụng sát khuẩn vết thương, da, niêm mạc trước khi phẫu thuật, rửa dụng cụ y tế trước khi tiệt khuẩn, súc miệng, đặt âm đạo:
- A. Cồn 90°
B. Povidon iod
C. D.E.P
D. A.S.A
- Câu 146 :** Dược liệu có tác dụng chữa sốt rét:
- A. Kinh giới
B. Lạc tiên
C. Thanh hao hoa vàng
D. Sả
- Câu 147 :** Kháng sinh thuộc nhóm chữa nấm toàn thân:
- A. Cephalexin
B. Ofloxacin
C. Nystatin
D. Griseofulvin
- Câu 148 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là thân cành mang ngọn và lá:
- A. Quế
B. Ngải cứu
C. Mạch môn
D. Bách bộ
- Câu 149 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là lá:
- A. Bách bộ
B. Dây Mơ
C. Thảo quyết minh
D. Mã đề
- Câu 150 :** Đây là những thuốc dùng khi nhiễm trùng hô hấp, NGOẠI TRỪ:
- A. Cephalexin
B. Ciprofloxacin
C. Erythromycin
D. Negram
- Câu 151 :** Dược liệu nào sau đây có tiêu độc chữa dị ứng, mẩn ngứa, trẻ lên sởi, phát ban:
- A. Núc nác
B. Bạc hà
C. Lô hội
D. Muồng trâu
- Câu 152 :** Đây là những đặc điểm đúng với thuốc thiết yếu, NGOẠI TRỪ:
- A. Chi phí hợp lý
B. Không thể thiếu
C. Dạng bào chế phù hợp
D. Cơ sở ít
- Câu 153 :** Kháng sinh thuộc nhóm Macrolid:
- A. Doxycylin
B. Lincomycin
C. Norfloxacin
D. Erythromycin
- Câu 154 :** Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa táo bón:
- A. Thảo quyết minh
B. Bạc hà
C. Bí ngô
D. Bách bộ
- Câu 155 :** Dược liệu nào sau đây có bộ phận dùng là hạt:
- A. Thảo quyết minh
B. Bách bộ
C. Cúc hoa vàng
D. Mạch môn

Câu 156 : Dược liệu nào sau đây có công dụng chữa ho:

- A. Bách bộ
- B. Muồng trâu
- C. Thảo quyết minh
- D. Bí ngô

Câu 157 : Thuốc nào sau đây KHÔNG DÙNG cho đối tượng là phụ nữ có thai:

- A. Dextromethorphan
- B. Berberin
- C. Amoxicillin
- D. Maalox

Câu 158 : Thuốc nào sau đây được dùng để phòng và điều trị bệnh khô mắt, quáng gà:

- A. Vitamin C
- B. Fluocinolon
- C. Vitamin A
- D. Vitamin B1

Câu 159 : Thuốc có công dụng diệt giun đũa, giun tóc, giun móc, giun lươn, giun kim:

- A. Cimetidin
- B. Mebendazol
- C. Niclosamid
- D. Ampicillin

Câu 160 : Thuốc để phòng và điều trị bệnh Beri-beri, viêm đa dây thần kinh, vọp bẻ:

- A. Fluocinolon
- B. D.E.P
- C. Vitamin B1
- D. Vitamin B6

Câu 161 : Đau răng nên ưu tiên chọn thuốc nào:

- A. Decontractyl
- B. Alphachymotrypsin
- C. Paracetamol
- D. Dolfenal

